

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN
TRUNG TÂM TIN HỌC

BẢNG ĐIỂM HỌC VIÊN DỰ THI ĐỢT ĐỢT 1 THÁNG 05/2025
CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CNTT CHUẨN NÂNG CAO

Thời gian: 15h00 * Ngày thi: 18/05/2025

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ
							KTC	THUD	KẾT QUẢ	
1	28208001038	Lê Thị Bảo	Ân	10/10/2004	Phú Yên	31TYC1	6.7	3.5	Không Đạt	
2	27211343064	Trần Tuấn	Anh	06/02/2003	Quảng Bình	30CSC5	5.0	3.5	Không Đạt	
3	28206533467	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	13/07/2004	Quảng Trị	31TSC2	7.3	5.8	Đạt	
4	27211336523	Nguyễn Thái	Bảo	03/09/2003	Quảng Nam	31TYC2	6.3	6.0	Đạt	
5	28204650202	Nguyễn Phạm Ái	Cầm	04/10/2004	Quảng Nam	31TYC2	7.0	6.0	Đạt	
6	28202848199	Ma Thị	Chư	01/06/2003	Đắk Nông	31TSC2	9.3	5.3	Đạt	
7	27211329266	Đặng Nhật	Cường	08/12/2003	Gia Lai	31TSC2	8.3	5.3	Đạt	
8	28212300290	Võ Nguyễn Trung	Đắc	23/07/2004	Quảng Ngãi	31TYC1	10.0	8.3	Đạt	
9	28212353889	Nguyễn Tấn	Đạt	09/08/2004	Đắk Lắk	31TYC1	10.0	6.8	Đạt	
10	27211328616	Trần Đình Tiến	Đạt	11/04/2003	Nghệ An	31TYC2	6.7	5.8	Đạt	
11	28208101241	Nguyễn Thị	Diệu	28/04/2004	Gia Lai	31TSC2	9.0	9.3	Đạt	
12	28204752489	Nguyễn Hạnh	Dung	03/02/2004	Đà Nẵng	31TYC2	9.3	9.5	Đạt	
13	28206542027	Nguyễn Thị Hạnh	Dung	22/11/2004	Đắk Lắk	31TSC2	7.3	5.0	Đạt	
14	28204300898	Nguyễn Thị Xuân	Dung	03/01/2004	Phú Yên	31TYC1	9.7	5.0	Đạt	
15	28208005640	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	30/07/2004	Phú Yên	31TYC1	5.0	1.5	Không Đạt	
16	28207105789	Đinh Thị Hương	Giang	05/06/2004	Đắk Lắk	31TSC2	6.0	2.9	Không Đạt	
17	28202726910	Nguyễn Thị Trà	Giang	30/08/2004	Quảng Ngãi	31TSC2	7.7	6.8	Đạt	
18	28206503315	Nguyễn Trà	Giang	10/10/2004	Hà Tĩnh	31TYC1	8.0	5.0	Đạt	
19	28206202061	Võ Thị Trà	Giang	23/01/2004	Quảng Trị	31TSC2	8.3	5.5	Đạt	
20	27203344060	Lê Thị Thu	Hà	01/07/2003	Quảng Bình	30THT9	7.7	5.0	Đạt	
21	28204946330	Mai Thị Thu	Hà	06/08/2004	Đà Nẵng	31TYC2	V	V	Không Đạt	
22	28204601990	Đỗ Thúy	Hằng	02/08/2004	Bình Định	31TYC2	10.0	10.0	Đạt	
23	27211331415	Nguyễn Tuấn	Hiền	23/08/2003	Quảng Nam	31TYC2	8.3	9.0	Đạt	
24	28204700972	Phạm Thị Diệu	Hiền	05/02/2004	Quảng Nam	31TYC2	7.7	6.0	Đạt	
25	28214603799	Lê Xuân	Hiếu	27/09/2004	Quảng Bình	31TYC2	8.3	7.5	Đạt	
26	27212234992	Nguyễn Duy	Hiếu	21/05/2003	Quảng Nam	29TSC6	6.3	5.0	Đạt	
27	27211342390	Nguyễn	Hòa	19/12/2003	Huế	31TYC2	8.0	6.5	Đạt	
28	27211343326	Nguyễn Quốc	Hung	03/05/2003	Quảng Ngãi	31TSC2	6.7	5.3	Đạt	
29	27211327816	Phạm Văn Quốc	Huy	13/03/2003	Quảng Nam	31TSC2	7.3	6.0	Đạt	
30	27213922810	Trần Duy	Huy	18/10/2003	Quảng Nam	31TYC1	7.0	8.5	Đạt	
31	28204903975	Nguyễn Thị	Huyền	28/10/2004	Nghệ An	31TYC1	7.0	5.0	Đạt	
32	28206504793	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	26/10/2004	Gia Lai	31TYC1	7.7	4.0	Không Đạt	

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ
							KTC	THUD	KẾT QUẢ	
33	27217135700	Trương Bá	Khoa	09/12/2003	Đà Nẵng	31TSC2	7.7	5.5	Đạt	
34	27218780027	Trần Việt	Khuê	24/09/2002	Đà Nẵng	30TBN7	7.0	5.0	Đạt	
35	28212224635	Nguyễn Văn	Kiệt	07/03/2005	Quảng Ngãi	31TYC2	6.3	5.0	Đạt	
36	27218747489	Lương Quốc	Kỳ	18/06/2003	Quảng Nam	31TYC1	7.7	5.0	Đạt	
37	27203336871	Dương Thị Thanh	Lam	06/09/2003	Đắk Lắk	30CHT6	8.0	6.0	Đạt	
38	27202440043	Phạm Nhật	Linh	27/04/2003	Quảng Bình	30SSC6	5.7	5.3	Đạt	
39	27203334213	Nguyễn Thị Kim	Loan	18/12/2003	Quảng Nam	31TYC2	9.7	7.3	Đạt	
40	28200305288	Hà Thị Yến	Ly	22/11/2004	Gia Lai	31TYC2	8.0	3.5	Không Đạt	
41	26207131828	Nguyễn Thị	Ly	12/03/2002	Quảng Ngãi	29CBN4	6.0	1.3	Không Đạt	
42	28206551064	Nguyễn Nhật	Mai	01/11/2004	Quảng Bình	31TYC1	7.3	5.5	Đạt	
43	28206502470	Phạm Đỗ Huyền	Minh	10/02/2004	Phú Yên	31TSC2	7.3	6.0	Đạt	
44	27202423353	Phạm Thị Thu	My	11/07/2003	Quảng Ngãi	30SSC6	7.7	5.5	Đạt	
45	28204322392	Phạm Thị Trà	My	26/05/2004	Quảng Ngãi	31TYC1	7.3	2.8	Không Đạt	
46	27203124773	Trần Bùi Trà	My	17/01/2003	Quảng Ngãi	29CBN4	7.3	1.0	Không Đạt	
47	28206137665	Trần Thị Trà	My	23/02/2004	Quảng Ngãi	31TYC2	9.7	4.0	Không Đạt	
48	28205236715	Nguyễn Thị Tố	Nga	05/07/2004	Quảng Nam	31TYC1	V	V	Không Đạt	
49	28204953815	Trần Thị Kiều	Ngân	23/11/2004	Quảng Bình	31TYC2	8.0	3.0	Không Đạt	
50	27211502531	Phạm Hữu	Nghĩa	25/01/2002	Quảng Nam	31TYC2	7.3	5.8	Đạt	
51	28206539707	Trần Thị	Ngọc	27/04/2004	Thừa Thiên H	31TSC2	6.7	5.0	Đạt	
52	28205033288	Nguyễn Thị Phương	Nguyên	22/06/2004	Quảng Trị	31TSC2	8.7	9.5	Đạt	
53	28214900374	Phan Thanh	Nhật	22/02/2004	Quảng Nam	31TSC2	8.0	7.5	Đạt	
54	27202138583	Bùi Trần Uyên	Nhi	09/12/2003	Đà Nẵng	31TSC2	6.3	5.3	Đạt	
55	28206504117	Nguyễn Lâm	Nhi	28/05/2004	Gia Lai	31TYC2	8.7	5.0	Đạt	
56	28204505459	Nguyễn Bảo	Như	09/04/2004	Quảng Ngãi	31TSC2	5.3	9.5	Đạt	
57	28208006569	Phạm Thị Quỳnh	Như	29/08/2004	Gia Lai	31TYC2	9.3	5.3	Đạt	
58	28208034946	Trần Quỳnh	Như	14/10/2004	Quảng Trị	31TSC2	9.0	8.3	Đạt	
59	27208740362	Lê Thị Minh	Nhung	01/01/2003	Quảng Bình	31TYC1	6.0	6.3	Đạt	
60	28206502607	Lương Thị Kim	Nhung	13/11/2004	Kon Tum	30SYC4	7.3	3.8	Không Đạt	
61	28208002909	Nguyễn Thị Hồng	Phấn	16/09/2004	Bình Định	31TYC1	9.7	5.3	Đạt	
62	28214752702	La Quang	Phát	27/03/2004	Quảng Ngãi	31TYC2	7.0	5.8	Đạt	
63	28212347669	Nguyễn Tấn	Phát	24/01/2004	Quảng Ngãi	31TYC1	8.7	1.0	Không Đạt	
64	27211302279	Huỳnh Lưu Ngọc	Phúc	16/01/2003	Đắk Lắk	31TYC1	7.7	8.8	Đạt	
65	28214302845	Lê Hữu	Phước	02/10/2004	Quảng Trị	31TYC1	6.3	4.3	Không Đạt	
66	28208004114	Đỗ Thị Như	Quỳnh	26/03/2004	Phú Yên	31TYC1	8.3	5.0	Đạt	
67	28211153735	Trịnh Thiên Thanh	Sang	21/11/2004	Bình Định	31TYC2	9.0	8.0	Đạt	

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ
						KTC	THUD	KẾT QUẢ	
68	28206506271	Nguyễn Thị Nhật Tân	22/05/2004	Quảng Bình	31TYC2	7.3	5.3	Đạt	
69	27211501645	Võ Quốc Thái	15/09/2003	Quảng Nam	31TYC2	9.3	9.5	Đạt	
70	27203901066	Lê Thị Thắm	30/04/2003	Quảng Nam	31TYC1	8.3	3.5	Không Đạt	
71	27202180005	Nguyễn Thị Hoài Thanh	28/07/2002	Quảng Trị	31TSC2	9.0	3.9	Không Đạt	
72	28218101129	Lữ Trung Thành	08/02/2004	Đắk Lắk	31TSC2	3.0	2.5	Không Đạt	
73	28206522889	Huỳnh Thị Hồng Thanh	27/10/2004	Quảng Ngãi	31TSC2	9.0	5.5	Đạt	
74	28204951568	Hoàng Phương Thảo	26/03/2004	Đắk Lắk	31TYC2	V	V	Không Đạt	
75	27202102620	Nguyễn Thị Như Thảo	29/08/2003	Đà Nẵng	31TSC2	7.3	6.0	Đạt	
76	28204346159	Trần Mai Thảo	01/06/2004	Quảng Nam	31TSC2	8.7	9.3	Đạt	
77	28218028288	Nguyễn Công Thế	04/01/2004	Bình Định	31TYC2	8.7	5.3	Đạt	
78	25203305100	Nguyễn Phan Anh Thư	20/10/2001	Quảng Nam	28THT3	6.7	4.0	Không Đạt	
79	28206454213	Nguyễn Thị Thanh Thư	22/10/2004	Quảng Nam	31TYC1	9.0	5.0	Đạt	
80	28206503430	Vũ Thị Anh Thư	04/02/1999	Hải Dương	31TYC2	8.3	8.0	Đạt	
81	28212352083	Nguyễn Chí Thụ	13/07/2004	Phú Yên	31TYC1	10.0	6.0	Đạt	
82	27211302539	Hồ Việt Thực	16/07/2003	Hà Tĩnh	31TYC1	7.3	5.3	Đạt	
83	27208726202	Nguyễn Thị Thanh Thúy	12/04/2003	Đà Nẵng	31TYC1	8.0	2.3	Không Đạt	
84	27212436468	Nguyễn Tất Toàn	24/12/2003	Phú Yên	30SSC6	8.0	5.0	Đạt	
85	28218003900	Đoàn Thanh Trà	08/09/2004	Quảng Ngãi	31TYC1	8.0	2.5	Không Đạt	
86	28204643600	Cao Nguyễn Huyền Trang	04/05/2004	Quảng Bình	31TYC2	6.3	3.3	Không Đạt	
87	28205000051	Nguyễn Thị Kiều Trang	12/10/2004	Quảng Bình	31TSC2	6.7	6.8	Đạt	
88	28204748045	Trần Đặng Hoàng Trang	04/03/2004	Đà Nẵng	31TYC2	9.7	8.5	Đạt	
89	28204904538	Phạm Thị Trinh	18/11/2004	Quảng Trị	31TSC2	8.0	3.8	Không Đạt	
90	27217102339	Nguyễn Bá Trung	28/10/2003	Đà Nẵng	31TYC1	7.3	5.5	Đạt	
91	28204353398	Phạm Thị Thanh Tuyền	19/10/2004	Bình Định	31TSC2	9.7	8.0	Đạt	
92	28204803568	Dương Thị Hồng Uyên	14/08/2004	Đắk Lắk	31TSC2	6.3	4.0	Không Đạt	
93	27208737139	Nguyễn Bảo Uyên	01/01/2003	Quảng Nam	31TYC1	6.7	3.8	Không Đạt	
94	27208739231	La Nguyễn Tường Vi	28/08/2003	Lâm Đồng	31TYC1	7.0	5.8	Đạt	
95	28206502399	Mai Thị Ái Vi	07/11/2003	Quảng Nam	31TSC2	8.3	9.5	Đạt	
96	28206100502	Trần Thị Thảo Vi	26/11/2004	Lâm Đồng	31TYC1	8.3	2.5	Không Đạt	
97	27211301362	Đoàn Văn Vũ	18/01/2003	Quảng Nam	31TSC2	7.0	4.3	Không Đạt	
98	28214545352	Hoàng Ngọc Vũ	06/03/2004	Quảng Nam	31TSC2	8.7	7.3	Đạt	
99	28206501274	Lê Thảo Vy	19/11/2003	Đắk Nông	31TSC2	7.7	5.3	Đạt	
100	28208006601	Nguyễn Thị Thảo Vy	09/10/2004	Gia Lai	31TYC2	9.3	4.0	Không Đạt	
101	28204903214	Nguyễn Thị Hoài Yến	18/03/2004	Quảng Bình	31TYC2	7.0	6.3	Đạt	
102	27207133010	Nguyễn Thị Kim Yến	27/11/2003	Quảng Nam	31TYC1	6.3	7.0	Đạt	

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ
						KTC	THUD	KẾT QUẢ	

TRUNG TÂM TIN HỌC

(Đã ký)

Dương Trương Quốc Khánh